TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C, TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 38/2017/HNGĐ-ST
Ngày 07-9-2017
V/v: Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ninh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lợi

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Đỗ Trọng Tú- Là Thư ký Toà án nhân dân huyện C – Tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Lan H- sinh năm: 1995 (Tên gọi khác: T)

Nơi ĐKHKTT: Khu 1, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Mai Đ - sinh năm: 1990 (Tên gọi khác: B)

Nơi ĐKHKTT: Khu 1, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 14/02/2017 và lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn là chị Lê Thị Lan H trình bày: Chị và anh Trần Mai Đ

kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 21/3/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống chung với mẹ đẻ anh Đ tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ và làm lao động tự do. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 02 tháng thì sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ ham chơi, không quan tâm và không có trách nhiệm với vợ con nên vợ chồng thường xảy ra tranh cãi bất hòa. Tuy đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2016 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Trong quá trình giải quyết, do anh Mai Văn Đ luôn vắng mặt không có lý do, không hợp tác nên Tòa án không thu thập được lời trình bày của anh Đ.

Về con chung: Chị Lê Thị Lan H trình bày vợ chồng có 01 con chung là Trần Thu H - sinh ngày 16/9/2016. Hiện nay con chung đang ở cùng chị H. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Chị H trình bày vợ chồng không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật không vi phạm gì và đề nghị HĐXX xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Lan H được ly hôn anh Trần Mai Đ.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Lan H trực tiếp nuôi con chung là Trần Thu H - sinh ngày 16/9/2016. Anh Trần Mai Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị H không yêu cầu. Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị Lan H và anh Trần Mai Đ bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng yêu thương nhau chỉ chung sống với nhau 9 tháng thì đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2016 đến nay, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài thêm nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Đ là có căn cứ, cần chấp nhận.

2. Về con chung: Con chung của chị H và anh Đông là Trần Thu H - sinh ngày 16/9/2016 còn nhỏ (hiện nay được 12 tháng tuổi), rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ và chị H đã trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, nên để đảm bảo sự phát triển của con chung, cần chấp nhận giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Nguyên đơn không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56; 58; khoản 1, 2 điều 81; khoản 1, 3 điều 82; điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 26 luật thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Vê quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Lan H được ly hôn anh Trần Mai Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi con chung là Trần Thu H - sinh ngày 16/9/2016. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị H không yêu cầu. Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003922 ngày 30/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hợp lệ hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện,tỉnh;
- Các đương sự (2b);
- UBND xã C;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ +VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ninh Thị Hồng